

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục đầu tư điện trung thế nông thôn kế hoạch năm 2019-2020**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND tỉnh về quy định mức hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 14/6/2013 của UBND tỉnh về ban hành quy định chính sách hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi;

Căn cứ Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 13/5/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 14/6/2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Văn bản số 2888/SCT-KT&NL ngày 12/8/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục đầu tư mạng lưới điện trung thế nông thôn (đường điện trung thế 22kv và trạm biến áp 22/0,4kv) kế hoạch năm 2019-2020 cụ thể như sau:

**1. Lưới điện trung thế phục vụ sinh hoạt:** (Danh mục chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

Gồm 55 danh mục với khối lượng đầu tư:

- a) Nâng cấp 1 pha lên 3 pha: 6,678 km;
- b) Xây dựng mới đường dây 1 pha: 6,3 km;
- c) Xây dựng mới đường dây 3 pha: 19,34 km;
- d) Tổng dung lượng TBA : 7.950 kVA;
- e) Tổng giá trị ước thực hiện : 30,539 tỷ đồng.

**2. Lưới điện trung thế phục vụ chăn nuôi:** (Danh mục chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

Gồm 06 danh mục với khối lượng đầu tư:

- a) Nâng cấp 1 pha lên 3 pha: 4,2 km;
- b) Xây dựng mới đường dây 3 pha: 1,90 km;
- c) Tổng dung lượng TBA : 450 kVA;
- d) Tổng giá trị ước thực hiện : 3,826 tỷ đồng.

**3. Lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp tập trung:** (Danh mục chi tiết tại Phụ lục III đính kèm)

Gồm 50 danh mục với khối lượng đầu

- a) Nâng cấp 1 pha lên 3 pha: 19,95 km;
- b) Xây dựng mới đường dây 1 pha: 11,2 km;
- c) Xây dựng mới đường dây 3 pha: 39,3 km;
- d) Tổng dung lượng TBA : 8.762,5 kVA;
- e) Tổng giá trị ước thực hiện : 53,297 tỷ đồng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư.

2. Giao Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh sắp xếp, phân bổ nguồn vốn vay ưu đãi để chuẩn bị cho công tác đầu tư lưới điện trung thế 2019-2020 trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với nguồn vốn đầu tư lưới điện trung thế phục vụ sinh hoạt nông thôn: Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai thực hiện vay vốn ưu đãi lãi suất 6,9%/năm từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh theo Văn bản số 5504/UBND-KT ngày 23/6/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4. Đối với nguồn vốn đầu tư lưới điện trung thế phục vụ khu chăn nuôi tập trung, khuyến khích chăn nuôi: Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai thực hiện vay vốn từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh với mức hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay (lãi suất = 0). Thời gian vay và trả nợ dần trong vòng 10 năm. Thời gian hỗ trợ lãi suất là 05 năm kể từ ngày nhận vốn vay theo đúng chính sách hỗ trợ về chăn nuôi của UBND tỉnh tại Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 13/5/2014 và Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 14/6/2013.

5. Đối với nguồn vốn đầu tư lưới điện trung thế phục vụ sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai là chủ đầu tư, thực hiện vay vốn từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% lãi suất theo nội dung Văn bản số 12102/UBND-CNN ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ nguồn vốn để đầu tư lưới điện vào các khu vực nêu trên.

6. Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai cân đối thực hiện trong tổng hạn mức vốn được vay để điều hòa phát sinh tăng giảm khối lượng theo Danh mục kế hoạch đầu tư được duyệt.

7. UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng đảm bảo an toàn hành lang lưới điện theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện. Đối với công tác phát quang cây cao su hoặc khối lượng cây xanh lớn nằm trong hành lang an toàn lưới điện, kiến nghị các địa phương phải phối hợp với ngành điện hoàn tất trước khi khởi công công trình.

8. Đối với những hạng mục đầu tư cải tạo, nâng cấp từ 1 pha lên 3 pha lưới điện trung thế: Giao Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai lập thủ tục đầu tư công trình sau khi có Quyết định phê duyệt giao danh mục đầu tư của UBND tỉnh, trong năm 2019 thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư và năm 2020 triển khai công tác thi công.

9. Đối với các danh mục đầu tư xây dựng mới lưới điện trung thế và trạm biến áp đầu tư mới, địa phương đầu tư lưới điện hạ thế sau các TBA bằng hình thức xã hội hóa hoặc hỗ trợ từ ngân sách địa phương. Để đảm bảo việc triển khai đồng bộ các công trình giữa Điện lực và các địa phương đưa vào khai thác vận hành cùng thời điểm, đảm bảo hiệu quả trong công tác đầu tư, UBND tỉnh giao:

a) Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai chỉ triển khai công tác chuẩn bị đầu tư phân lưới điện trung thế và TBA sau khi các danh mục đầu tư lưới điện hạ thế phía sau các TBA tương ứng đã được địa phương có kế hoạch ghi vốn đầu tư cho các danh mục công trình này theo quy định của Luật đầu tư công và các quy định về đầu tư công của địa phương. Các địa phương sau khi có kế hoạch vốn được duyệt hoặc đã hoàn tất việc huy động vốn nhân dân tự nguyện đóng góp, phải cung cấp cho ngành điện để biết phối hợp triển khai.

b) Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai triển khai thi công danh mục công trình song song với việc các địa phương thi công đường dây hạ thế phía sau các TBA tương ứng, tránh tình trạng ngành điện đã thi công xong, các địa phương chậm triển khai lưới điện hạ thế dẫn đến không hiệu quả trong công tác đầu tư.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng KTN
- Lưu: VT, TTCB, KTN

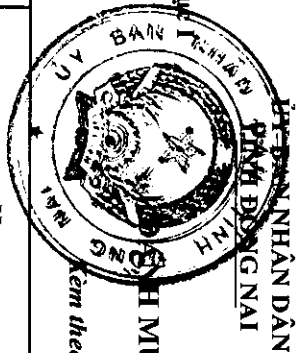
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



\*Trần Văn Vĩnh



Phụ lục

**HẠNG MỤC ĐẦU TƯ ĐIỆN TRUNG THỂ NÔNG THÔN TỪNG HUYỆN NĂM 2019 - 2020**

**PHỤC VỤ SINH HOẠT**

Kèm theo quyết định số: 2766/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

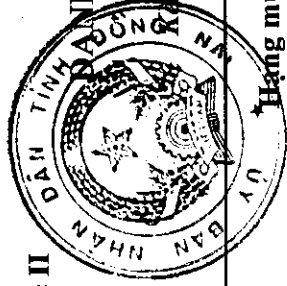
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Hạng mục	Xã	Năng cấp 1P lên 3P	Xây dựng mới (km)			TBA (KVA)	Tổng dung lượng	Ước vốn ĐT (tỷ đồng)	Ghi chú
				1 pha	3 pha	3 pha				
55	Tổng cộng		6.678	6.300	19.340		7.905	30.539		
<b>I</b>										
Huyện Trảng Bom										
1	Khu Áp Sông Mây và áp Tân Bắc	Bình Minh - Bắc Sơn	0,00	0,00	1,55		600	2,404		
2	Khu áp Lộ Đức	Hố Nai 3				2 (3 x 50)	300	1,851		
3	Tổ 12B ấp Thanh Hóa	Hố Nai 3			0,05	3 x 50	150	264		
<b>II</b>										
Huyện Vĩnh Cửu										
1	Tổ 24, Khu phố 2	T.T. Vĩnh An		2,40	7,60		1,910	6,927		
2	Tổ 14A, K. phố 6	T.T. Vĩnh An			0,8	160	160	480	Đã có sẵn lưới hạ thế	
3	Tổ 10, Khu phố 7	T.T. Vĩnh An			1	160	160	560		
4	Tuyến tổ 7, ấp 3	Vĩnh Tân		0,8		2x50	50	309		
5	Tuyến tổ 17, ấp 6	Vĩnh Tân			0,5	160	160	360		
6	Tuyến tổ 16, ấp 6	Vĩnh Tân			0,9	160	160	520		
7	Tuyến tổ 15, ấp 3	Vĩnh Tân		0,8		2x50	50	309		
8	Tuyến tổ 8 ấp 3	Vĩnh Tân		0,8		2x50	50	309		
9	Tuyến tổ 8, ấp 4	Vĩnh Tân			0,5	160	160	360		
10	Tuyến tổ 5, ấp 4	Vĩnh Tân			0,5	160	160	600		
11	Tuyến tổ 6-7, ấp 5	Vĩnh Tân			0,8	160	160	720		
12	Tuyến tổ 8, ấp 5	Vĩnh Tân			0,6	160	160	640		
13	Tuyến tổ 11-12 ấp 3	Vĩnh Tân			0,5	160	160	600		
14	Tuyến tổ 4 ấp 3	Vĩnh Tân			0,5	160	160	600		
<b>III</b>										
Huyện Nhơn Trạch										
1	Nhánh Bàu Trường 4	Phước An	0,00	0,00	1,74		2,120	4,429		
2	Nhánh UBND xã Phú Đông	Phú Đông			0,28	3 x 50	150	407		
3	Nhánh Trường THCS Phước Khánh	Phước Khánh			0,35	250	250	609	Đã có sẵn lưới hạ thế	
4	Nhánh Bến Chùa	Phước Thiện			0,25	250	250	549		
5	Trạm Bến Sắn 9	Phước Thiện			0,25	250	250	549		

STT	Hạng mục	Xã	Năng cấp IP lên 3P	Xây dựng mới (km)		TBA (KVA)	Tổng dung lượng	Ước vốn ĐT (triệu đồng)	Ghi chú
				1 pha	3 pha				
6	Nhánh Y tế xã Phước Thiện	Phước Thiện			0.17	250	501		
7	Nhánh rẽ đường Bờ	Phú Hội			0.24	150	383		
8	Trạm Phú Đông 4A- đường Trần Nam Trung	Phú Đông				160	256	Đã có sẵn lưới hạ thế	
9	Trạm Phú Đông 4B- đường Hùng Vương	Phú Đông				250	400		
10	Nhánh hẻm UBND xã Phú Thạnh	Phú Thạnh			0.2	160	375		
<b>IV</b>	<b>Huyện Long Thành</b>		<b>6.678</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>	<b>75</b>	<b>6,112</b>		
1	XDM trạm biến áp 3x25kVA cấp điện khu dân tộc Stieng xã Tân Hiệp	Tân Hiệp				3 x 25	75	195	
2	Nâng cấp 1pha lên 3 pha nhánh Sa Cá 6, áp Sa Cá	Bình An	0.542					480	
3	Nâng cấp 1pha lên 3 pha nhánh Bình Sơn 10 + 11, áp 6	Bình Sơn	1.218					1,080	
4	Nâng cấp 1pha lên 3 pha nhánh Cẩm Đường 13, áp Cẩm Đường.	Cẩm Đường	1.058					937	
5	Nâng cấp 1pha lên 3 pha nhánh Ấp 3 Phước Bình T1A, áp 3	Phước Bình	0.280					248	
6	Nâng cấp 1pha lên 3 pha nhánh Cây Xanh xã Long Phước, áp Đất mới	Long Phước	1.480					1,311	
7	Nâng cấp 1pha lên 3 pha nhánh Bàu Cạn 18 + Bàu Cạn 19, áp 8.	Bàu Cạn	2.100					1,861	
<b>V</b>	<b>Huyện Xuân Lộc</b>		<b>0.00</b>	<b>-</b>	<b>4.65</b>	<b>1,550</b>	<b>4,113</b>		
1	Tuyến vào làng dân tộc Châu ro áp 8 (Ngã ba có Bế nổi dãi)	Xuân bác			2.10	100 + 3 x 50	250	1,289	
2	Đường tổ 4, ấp Bàu Sen	Xuân Trường			0.85	160	160	601	
3	XDM đường dây trung thế và TBA 250kVA khu vực xã Xuân Tâm (nhánh rẽ Quán đoàn 4)	Xuân Tâm			0.50	250	250	472	
4	XDM đường dây trung thế và TBA 160kVA khu vực tổ 8 ấp 1, 2, 3 xã Xuân Tâm (Hẻm trụ 201 Xuân Tâm 6)	Xuân Tâm			0.20	160	160	330	
5	XDM đường dây trung thế và TBA 160kVA khu vực tổ 8 ấp 1, 2, 3 xã Xuân Tâm (Hẻm trụ 205 Xuân Tâm 6)	Xuân Tâm			0.20	160	160	330	

STT	Hạng mục	Xã	Nâng cấp 1P lên 3P	Xây dựng mới (km)		TBA (KVA)	Tổng dung lượng	Ước vốn ĐT (triệu đồng)	Ghi chú
				1 pha	3 pha				
6	XDM đường dây trung thế và TBA 160kVA khu vực tổ 8 ấp 1, 2, 3 xã Xuân Tâm (Hẻm trụ 207 Xuân Tâm 6)	Xuân Tâm			0.20	160	160	330	Đã có lưới hạ thế
7	XDM đường dây trung thế và TBA 250kVA khu vực xã Xuân Tâm (Hẻm trụ 233 Xuân Tâm 7)	Xuân Tâm			0.30	250	250	389	Đã có lưới hạ thế
8	XDM đường dây trung thế và TBA 160kVA khu vực xã Xuân Tâm (Hẻm trụ 223 Xuân Tâm 7A)	Xuân Tâm			0.30	160	160	372	Đã có lưới hạ thế
<b>VI</b>	<b>Huyện Định Quán</b>		<b>0.00</b>	<b>3.90</b>	<b>3.80</b>		<b>1,650</b>	<b>6,554</b>	
1	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Ngọc Định W9	Ngọc Định,		0.80		100	100	436	
2	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Lò Gạch 9	Thanh Sơn		0.60		100	100	376	
3	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Ngọc Định W1	Ngọc Định		0.70		100	100	406	
4	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Ngọc Định W8	Ngọc Định		0.70		100	100	406	
5	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Ngọc Định 6	Ngọc Định			0.60	3x50	150	631	
6	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Suối Dưới 12	Túc Trung		0.50		100	100	345	Đã có lưới hạ thế
7	Tuyến trung thế đầu nối trụ 129 nhánh rẽ Suối Dưới	Túc Trung			0.50	3x50	150	579	
8	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Suối Nhỏ 7	Suối Nhỏ			0.60	3x50	150	631	
9	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Trung Hiếu 4	Gia Canh		0.60		100	100	376	
10	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Thác Mai 5 W7	Gia Canh			0.50	3x50	150	579	
11	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Ngọc Định W7	Ngọc Định			0.40	3x50	150	527	
12	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Phú Tân 5	Phú Tân			0.50	3x50	150	579	
13	Tuyến Trung thế Tổ 7, ấp Phú Quý 2	La Ngà			0.70	3x50	150	683	Kiến nghị cử trí

Phụ lục II

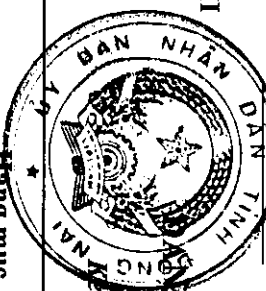


**PHẠNH MỤC ĐẦU TƯ ĐIỆN TRUNG THỂ NÔNG THÔN TÙNG HUYỆN NĂM 2019 - 2020**  
**PHỤC VỤ QUY HOẠCH CHĂN NUÔI**

Kèm theo quyết định số: 2766/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

STT	Hạng mục	Xã	Năng cấp IP lên 3P	Xây dựng mới (km)		TBA (KVA)	Tổng dung lượng	Ước vốn ĐT (triệu đồng)	Ghi chú
				1 pha	3 pha				
6	Tổng cộng		4.20	0.00	1.90		450	3.826	
<b>I</b>	<b>Huyện Thống Nhất</b>		4.20	0.00	0.70		300	3.070	
1	Tuyến điện trung thế tổ 13 áp Nguyễn Huệ	Quang Trung			0.7	3 x 50	150	830	
2	Trạm biến áp Lê Lợi 2	Quang Trung				3 x 50	150	430	
3	Nâng cấp tuyến điện trung thế vào khu Chăn nuôi áp 5	Lộ 25	1.2					460	
4	Nâng cấp tuyến điện trung thế vào khu chăn nuôi Suối Mũ-Hưng Nhơn	Hưng Lộc	2.0					900	
5	Nâng cấp tuyến điện trung thế đường Hưng Nghĩa - Lộ 25	Hưng Lộc	1.0					450	
<b>II</b>	<b>Huyện Xuân Lộc</b>		0.00	0.00	1.20		150	756	
1	Tuyến Tổ 5, áp 2B	Xuân Bắc			1.2	3 x 50	150	756	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III

PHẠM MỤC ĐẦU TƯ ĐIỆN TRUNG THỂ NÔNG THÔN TỈNH HUYỆN NĂM 2019 - 2020  
PHỤC VỤ SẢN XUẤT TẬP TRUNG

Kèm theo quyết định số: 2766/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

STT	Hạng mục	Xã/ phường	Nâng cấp 1P lên 3P	Xây dựng mới (km)		Số trạm	TBA (KVA)	Tổng dung lượng	Ước vốn ĐT (triệu đồng)	Chi chú
				1 pha	3 pha					
50	Tổng cộng		19.950	11.200	39.300	67		8.762,5	53.297	
I	Huyện Trảng Bom		0.00	0.00	1.00			150	848	
1	Đường 69 và cụm giết mổ	Bình Minh			1	1	3 x 50	150	848	
II	Huyện Vĩnh Cửu		10.80	0.00	4.00			300	10.230	
1	Tuyến đường Cộ - Cây Xoài (đoạn còn lại)	Tân An	3		1				5.200	
2	Tuyến áp 4, Bình Chánh	Phú Lý	7.8						3.510	
3	Tuyến Bàu Ngãi, Ấp Thái An	Tân An			3	2	2 (3 x 50)	300	1.520	
III	Huyện Cẩm Mỹ		0.65	1.6	6.60			1.575	7.822	
1	Đường dây trung thể tuyến lô 49 ấp Chính Nghĩa	Nhân Nghĩa	0.65		0.6	2	75 + 3 x 50	225	902	Đã có sẵn lưới hạ thế
2	Tuyến điện trung thể Tập đoàn 2 Nam Hà - Tân Hạnh, ấp Nam Hà.	Xuân Bảo		1.6		2	2 (75)	150	861	
3	Tuyến tổ 1 ấp 6, ấp 6	Sông Ray			0.5	1	3x50	150	542	
4	Đường điện trung thể tổ 8 ấp Hoàng Quân	Long Giao			1.2	2	3 x 50	300	1.654	
5	Tuyến khu 2A ấp 57	Xuân Quế			0.5	1	3x50	150	542	
6	Tuyến tổ 4, 5 - ấp 9	Xuân Tây			1	1	3x50	150	829	
7	Tuyến điện trung thể tổ 14 ấp Tân Hạnh	Xuân Bảo			0.8	1	3x50	150	714	
8	Tuyến tổ 3, 4 - ấp 8	Xuân Tây			1.4	1	3x50	150	1.059	
9	Tuyến tổ 4 đi tổ 7 ấp 4	Xuân Quế			0.6	1	3x50	150	719	
IV	Huyện Định Quán		1.00	0.00	6.00			900	5.491	
1	Nâng cấp lưới trung thể 1 pha lên 3 pha Khu chăn nuôi	Phú Cường	1.00						453	
2	Tuyến trung thể khu vực Suối Rắc ấp Đồng Xoài và ấp 94	Túc Trưng			6.0	6	6 (3x50)	900	5.038	



STT	Hạng mục	Xã/ phường	Năng cấp 1P lên 3P	Xây dựng mới (km)		Số trạm	TBA (KVA)	Tổng dung lượng	Ước vốn ĐT (triệu đồng)	Ghi chú
				1 pha	3 pha					
<b>V</b>	<b>Huyện Tân Phú</b>		<b>0.00</b>	<b>8.30</b>	<b>4.40</b>			<b>2,025</b>	<b>8,847</b>	
1	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Phú Lộc 18	Phú Lộc			0.5	1	250	250	667	
2	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Bàu Mã 1	Núi Tượng		0.50		1	100	100	345	Đã có sẵn lưới hạ thế
3	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Tà Lài 4	Tà Lài		0.50		1	75	75	318	
4	Tuyến trung thế nối dài sau TBA Phú Lộc 10	Phú Lộc			0.8	1	250	250	824	
5	Tuyến TT đường Phước Sang áp 4	Tà Lài		1.00		1	75	75	469	
6	Tuyến TT đường N4 áp 4	Phú Điền			1.00				521	
7	Tuyến trung thế tổ 2 áp 4 (Đốc 300 đường 600B)	Phú An		2.50		3	3 (100)	300	1,339	
8	Tuyến trung thế tổ 6 áp 3	Phú An		1.30		2	2 (75)	150	726	
9	Tuyến TT khu đồng bảo dân tộc áp 3	Phú Lộc			1.2	2	2 (3x50)	300	1,262	
10	Tuyến TT đường Tư Thành áp 3	Phú Lộc			0.9	1	3x50	150	788	
11	Tuyến TT tổ 6 áp 3	Phú Thịnh		1.50		3	3 (75)	225	953	
12	Tuyến TT tổ 4 áp 3	Phú Thịnh		1.00		2	2 (75)	150	635	
<b>VI</b>	<b>Huyện Thống Nhất</b>		<b>0.00</b>	<b>0.00</b>	<b>3.70</b>			<b>450</b>	<b>3,150</b>	
1	Tuyến điện trung thế khu Cao Đại, áp Tây Kim	Gia Kiệm			1.0	1	3 x 50	150	950	
2	Tuyến trung thế khu Suối Cạn	Gia Tân 1			2.7	2	2 (3 x 50)	300	2,200	
<b>VII</b>	<b>TP. Long Khánh</b>		<b>3.30</b>	<b>0.00</b>	<b>5.60</b>			<b>1,500</b>	<b>9,477</b>	
1	Tuyến đường dây trung thế tổ 6, 7, 8 áp Cẩm Tân	Xuân Tân			2.0	2	2 (3 x 50)	300	1,960	Đã có sẵn lưới hạ thế
2	Tuyến đường dây trung thế tổ 13 áp 18 Gia đình.	Bảo Quang			1.1	1	75	75	1,042	Đã có sẵn lưới hạ thế
3	Tuyến đường dây trung thế tổ 2, tổ 3, tổ 4 áp Cây Đa	Bình Lộc	1.5			2	2 (2 x 50)	300	1,347	Đã có sẵn lưới hạ thế
4	Tuyến đường dây trung thế cánh đồng cây Quéo	Bảo Quang				1	75	75	296	
5	Tuyến đường dây trung thế cánh đồng ruộng lớn (phần nâng cấp)	Bảo Vinh	1.5			2	2 (75)	225	1,000	Đã có sẵn lưới hạ thế
6	Tuyến đường dây trung thế cánh đồng ruộng lớn (phần xây dựng mới)	Bảo Vinh			0.5	1	3 x 50	150	884	
7	Tuyến đường dây trung thế tổ 5 áp 2	Bình Lộc			1.5	1	3 x 50	150	1,588	

STT	Hạng mục	Xã/ phường	Nâng cấp IP lên 3P	Xây dựng mới (km)		Số trạm	TBA (KVA)	Tổng dung lượng	Ước vốn ĐT		Ghi chú
				1 pha	3 pha				(triệu đồng)		
8	Tuyến đường dây trung thế tổ 5 áp 18 Gia đình đi tổ 6 ấp Ruộng Tre.	Bảo Quang	0.3		0.5	1	3 x 75	225	1,360		Đã có sẵn lưới hạ thế
<b>VIII Xuân Lộc</b>											
1	Tuyến tổ 9, ấp Tân Hòa	Xuân Thành	4.200	1.300	8.0			1,862.5	7,432		
2	Đường 37, ấp 4 nới dài	Xuân Hưng				1	3 x 37,5	112.5	233		
3	Đường 59, ấp 4	Xuân Hưng		0.5		1	160	160	705		
4	Đường Chà Rang-Xuân Thọ (phần xây dựng mới)	Suối Cao			1.7	2	2 (160)	320	1,272		
5	Đường Chà Rang-Xuân Thọ (phần đã có lưới hạ thế hiện hữu)	Suối Cao			0.8	1	160	160	510		Đã có sẵn lưới hạ thế
6	Tuyến tổ 1, ấp 5	Xuân Bắc			0.7	1	250	250	626		Đã có sẵn lưới hạ thế
7	Tuyến cánh đồng Xà Tuyền, ấp Bình Hòa	Xuân Phú			0.8	1	2 x 37,5	75	397		Đã có sẵn lưới hạ thế
8	Tuyến CLB xoài nới dài ấp 2A	Xuân Bắc			0.6	1	250	250	514		Đã có sẵn lưới hạ thế
9	Đường kênh mương ấp 5 nới dài	Xuân Hưng			1	1	160	160	663		Đã có sẵn lưới hạ thế
10	Nâng cấp và XDM tuyến đường dây trung thế ấp Thọ Phước	Xuân Thọ	1.50		0.8	1	2 x 37,5	75	897		Đã có sẵn lưới hạ thế
11	Đường Tập đoàn 14 CLB NSC cây bắp (ấp Bình Hòa)	Xuân Phú	1.90						532		Nâng cấp
12	NC đường dây trung thế và TBA từ 1P lên 3P trên địa bàn xã Bảo Hòa (Chiến Thắng 9, 10)	Bảo Hòa	0.80		0.5	2	2 (2 x 37,5)	150	604		Đã có sẵn lưới hạ thế
13	Tuyến khu 5, Thọ Lộc	Xuân Thọ		0.8		1	2 x 37,5	75	280		Đã có sẵn lưới hạ thế